

## Bài 37

### CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

#### I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

##### 1. Về kiến thức

Nắm vững khái niệm cơ cấu kinh tế và các bộ phận hợp thành cơ cấu kinh tế.

##### 2. Về kĩ năng

- Phân tích nhận xét sơ đồ cơ cấu nền kinh tế.
- Có kĩ năng phân tích sự phát triển nền kinh tế qua các chỉ số đánh giá.
- Đọc được bản đồ phân loại các nước trên thế giới theo GDP bình quân đầu người.

##### 3. Về thái độ, hành vi

- Tôn trọng, thông cảm với người dân trong các vùng kinh tế kém phát triển.
- Mong muốn và khi có điều kiện sẽ có những đóng góp nhằm phát triển nền kinh tế nước nhà.

#### II – THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Bản đồ GDP tính theo đầu người, năm 2000 (phóng to).
- Sơ đồ cơ cấu nền kinh tế (phóng to theo SGK).

#### III – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

##### 1. Những kiến thức trọng tâm

- Khái niệm và các bộ phận hợp thành cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu lãnh thổ và cơ cấu thành phần kinh tế.
- Các tiêu chí đánh giá nền kinh tế : GDP, GNI, GDP/người và GNI/người.

##### *1.1. Cơ cấu nền kinh tế*

###### *a) Về khái niệm cơ cấu kinh tế*

Cơ cấu kinh tế được hiểu một cách đầy đủ là một tổng thể hệ thống kinh tế bao gồm nhiều yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại với nhau

trong những không gian và thời gian nhất định, trong những điều kiện kinh tế – xã hội nhất định, được thể hiện cả về mặt định tính lẫn định lượng, cả về số lượng lẫn chất lượng, phù hợp với mục tiêu được xác định của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế là một phạm trù trừu tượng, muốn hiểu rõ bản chất của cơ cấu kinh tế cần xem xét từng loại cơ cấu cụ thể của nền kinh tế quốc dân.

*b) Về cơ cấu nền kinh tế*

– **Cơ cấu ngành kinh tế** của toàn thế giới hay một quốc gia thường được phân tích theo 3 nhóm ngành (khu vực) chính :

- + Nhóm ngành nông nghiệp : bao gồm nông – lâm – ngư nghiệp
- + Nhóm ngành công nghiệp : bao gồm công nghiệp và xây dựng
- + Nhóm ngành dịch vụ : bao gồm thương mại, bưu chính viễn thông, du lịch...

Sự phát triển của ba nhóm ngành này tương ứng với sự phát triển nền văn minh nhân loại qua ba giai đoạn. Trong giai đoạn 1, chủ yếu là nền kinh tế khai thác dựa trên cơ sở phát triển nông – lâm – ngư nghiệp và khai thác các nguồn lực tự nhiên như khoáng sản... Ở giai đoạn 2, công nghiệp chế tạo phát triển và chiếm vai trò chủ đạo. Nét đặc trưng là sự chuyển hoá từ nông nghiệp sang công nghiệp và sự giải phóng nguồn lao động, di chuyển các nguồn lực vật chất từ nông nghiệp sang. Quá trình đó được gọi là quá trình công nghiệp hoá (bắt đầu từ cuối thế kỉ XVIII và kéo dài suốt 200 năm) với sự gia tăng không ngừng tỉ trọng của công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội và cơ cấu kinh tế. Có thể thấy ở các nước công nghiệp phát triển, tỉ trọng này đạt tới mức đỉnh cao trong những năm 60 và từ đó bắt đầu giảm xuống. Khu vực công nghiệp bắt đầu nhường bước cho dịch vụ (có tài liệu viết là nền văn minh thứ ba – hậu công nghiệp).

Trong thời đại hiện nay, thay đổi và điều chỉnh hợp lí cơ cấu kinh tế được tất cả các nước quan tâm. Đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, xu hướng có tính quy luật chung là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, nghĩa là tỉ trọng và vai trò của ngành công nghiệp và dịch vụ có xu hướng tăng nhanh và giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp.

- + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự thay đổi về quan hệ tỉ lệ giữa các ngành, các vùng, các thành phần, hay nói một cách khái quát là sự thay đổi của cơ cấu kinh tế từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với môi trường phát triển, là sự biến đổi về cả lượng và chất trong nội bộ cơ cấu.

- + Kinh nghiệm thế giới cho thấy : một nền kinh tế được gọi là nông nghiệp khi tỉ trọng nông nghiệp chiếm 40 – 60% GDP, công nghiệp : 10 – 20%, dịch vụ : 10 – 30% ; nền kinh tế công, nông nghiệp – tương ứng là 15 – 25%, 25 – 35%, 40 – 50% ; nền kinh tế công nghiệp phát triển tương ứng là < 10%, 35 – 40% và 50 – 60%.
- + GV nên biết thêm : khái niệm **kinh tế tri thức** được nhắc đến nhiều trên sách báo và đang là hướng phát triển của thế giới. Kinh tế tri thức lấy yếu tố tri thức hiện đại của khoa học, công nghệ và quản lí làm nền tảng (với tỉ lệ đóng góp của yếu tố tri thức trong tăng trưởng kinh tế, trong sản xuất các sản phẩm và dịch vụ khoảng từ 70% trở lên). Với sự phát triển của kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp làm ra sản phẩm ở hầu hết các ngành.

Kinh tế tri thức phản ánh trình độ phát triển cao hơn của lực lượng sản xuất so với kinh tế nông nghiệp, công nghiệp. Kinh tế tri thức không tương đồng với một hình thái kinh tế – xã hội.

– **Cơ cấu lãnh thổ** : là một bộ phận của cơ cấu kinh tế, nó gắn bó chặt chẽ với cơ cấu ngành kinh tế. Có các cơ cấu lãnh thổ khác nhau ứng với mỗi cấp phân công lao động lãnh thổ : toàn cầu, khu vực (ASEAN, EU, châu Á – Thái Bình Dương...), quốc gia, vùng (thí dụ 8 vùng của Việt Nam).

– **Cơ cấu thành phần kinh tế** : góp phần huy động tối đa nguồn lực trong nước và nước ngoài vào quá trình phát triển đất nước, khai thác triệt để tiềm lực kinh tế – xã hội.

### ***1.2. Các tiêu chí đánh giá nền kinh tế***

GV nên chú ý đến tiêu chí tổng thu nhập quốc gia (viết tắt là GNI - Gross National Income). Từ trước năm 1998, người ta gọi là tổng sản phẩm quốc gia (viết tắt là GNP - Gross National Product).  $GNI = GDP + \text{nguồn thu nhập từ nước ngoài} - \text{nguồn thu nhập phải trả cho nước ngoài}$ .

GNI là thước đo tổng hợp của thu nhập quốc dân, chỉ rõ chủ sở hữu và lương thực nguồn của cải làm ra. GV có thể tham khảo ví dụ sau đây để phân biệt GNI với GDP :

Thu nhập của người lao động Nga, tiền lãi của nước Nga được hưởng trong VIETSOVPETRO và cả khấu hao thiết bị của Nga được tính vào GDP của Việt Nam và GNI của nước Nga (nhưng không được tính vào GNI của Việt Nam). Ngược lại, thu nhập của công ti thương mại của Việt Nam ở Nga và của người lao động Việt Nam tại Nga sẽ được tính vào GDP của Nga và GNI của Việt Nam,

chênh lệch giữa nguồn thu của Nga ở Việt Nam và của Việt Nam ở Nga gọi là thu nhập thuần túy từ nước ngoài.

GV nên sử dụng bảng thông tin dưới đây để phục vụ cho việc giảng dạy mục III. GV có thể đặt câu hỏi :

*Bằng sự hiểu biết của mình, em hãy cho biết tại sao lại có sự khác biệt về thu nhập đầu người giữa các nhóm nước ?*

#### NHỮNG NƯỚC ĐÚNG ĐẦU THẾ GIỚI VỀ GDP NĂM 2004

STT	Quốc gia	GDP (triệu USD)	% so với thế giới	GDP/người USD
1	Hoa Kỳ	11 668	28,5	39755
2	Nhật Bản	4623	11,3	36173
3	CHLB Đức	2714	6,6	32857
4	Anh	2141	5,2	36044
5	Pháp	2003	4,9	33383
6	Trung Quốc (kể cả Hồng Kông)	1813	4,4	1420
7	Italia	1674	4,1	29062
8	Tây Ban Nha	991	2,4	23995
9	Canada	980	2,4	30995
10	Ấn Độ	692	1,7	629
11	Hàn Quốc	680	1,7	30721
12	Mêhicô	676	1,6	14172
	<b>Tổng số</b>	<b>30 655</b>	<b>75,0</b>	
	<b>Toàn thế giới</b>	<b>40 898</b>	<b>100,0</b>	<b>6444</b>

*Nguồn : Báo cáo phát triển thế giới 2006, NXB Văn hoá - Thông tin H., 2005.*

*(Cũng theo báo cáo này, GDP của Việt Nam năm 2004 đạt 45,2 tỉ USD. GDP bình quân đầu người là 550USD/người).*

## 2. Phương pháp dạy học

- Phân tích so sánh.
- Trình bày – diễn giải
- Sử dụng kênh hình trong SGK và thiết bị dạy học.
- Thảo luận.

## IV – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Mở bài

Nền kinh tế của một lãnh thổ bao gồm nhiều bộ phận khác nhau, giữa các bộ phận đó có một quan hệ hữu cơ để tạo ra một tổng thể là cơ cấu nền kinh tế.

### 2. Tổ chức dạy học

#### a) Gợi ý dạy mục I : **Khái niệm về cơ cấu kinh tế**

Cơ cấu kinh tế là một khái niệm trừu tượng, tương đối khó hiểu đối với HS.

– GV cần nhấn mạnh các ý sau :

+ Cơ cấu kinh tế là một tổng thể gồm nhiều bộ phận hợp thành.

+ Giữa các bộ phận có mối quan hệ hữu cơ.

– GV chia lớp thành các nhóm nhỏ. Các nhóm tìm hiểu sơ đồ "Cơ cấu nền kinh tế" và lấy ví dụ cụ thể trong nền kinh tế nước ta để minh họa.

Sau đó, đại diện một số nhóm lên trình bày phân chuẩn bị của mình trước lớp. GV kết luận.

#### b) Gợi ý dạy mục II : **Các tiêu chí đánh giá nền kinh tế**

Các khái niệm trong SGK tương đối khó hiểu đối với HS. Tuy nhiên, nếu GV gợi ý để HS phân tích và hiểu được sự khác nhau giữa hai khái niệm : tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia thì việc tiếp thu các khái niệm khác sẽ trở nên dễ dàng hơn nhiều.